



BẢN TIN

SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ BẢO HỘ NHÃN HIỆU

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH NAM ĐỊNH

Số 6-2025



QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ



VĂN BẢN QPPL; TIN TỨC, SỰ KIỆN	
03	Thảo luận dự án Luật Công nghiệp công nghệ số: Tạo đà cho AI, siết quản lý tài sản mã hóa
05	Thế chấp tài sản trí tuệ: Một bài toán khó
10	Khi nào cần đẩy mạnh sở hữu trí tuệ?
17	Nam Định: Phát hiện hàng tấn vải may mặc không rõ xuất xứ
19	Mạng lượng tử và tương lai bảo mật toàn cầu
21	Sở hữu trí tuệ: Điểm tựa cho kinh tế tư nhân
25	Vai trò của bản quyền trong kỷ nguyên công nghệ số



**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
NAM ĐỊNH**
Số 1A, đường Trần Tế Xương, thành phố
Nam Định, tỉnh Nam Định

THẢO LUẬN DỰ ÁN LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ: TẠO ĐÀ CHO AI, SIẾT QUẢN LÝ TÀI SẢN MÃ HÓA

(SHTT) - Quốc hội hôm nay đã dành phiên thảo luận chiều để tập trung vào dự án Luật Công nghiệp công nghệ số, một văn bản quan trọng được kỳ vọng sẽ tạo ra bước đột phá trong phát triển trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ bán dẫn tại Việt Nam.

Điểm nhấn của phiên thảo luận chiều nay chính là những chính sách mang tính đột phá liên quan đến phát triển AI. Dự thảo luật đề ra mục tiêu phát triển AI vì sự thịnh vượng và hạnh phúc của con người, đặt con người làm trung tâm, đồng thời hướng đến việc nâng cao năng suất, hiệu quả công việc và thúc đẩy quá trình thông minh hóa. Các nguyên tắc sử dụng AI được nhấn mạnh, bao gồm đảm bảo công bằng, không phân biệt đối xử, tôn trọng các giá trị dân tộc, đạo đức, quyền và lợi ích của con người, cũng như bảo vệ quyền riêng tư.

Về an toàn trong ứng dụng AI, dự thảo quy định rõ ràng về tính minh bạch, khả năng kiểm soát thuật toán và mô hình AI, khẳng định rằng AI không được vượt quá tầm kiểm soát của con người. Cơ quan quản lý Nhà nước được giao trách nhiệm sử dụng AI để bảo đảm an ninh và bảo mật, đồng thời áp dụng quản lý dựa trên rủi ro trong suốt vòng đời của công nghệ này. Đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ sẽ ban hành Chiến lược phát triển trí tuệ nhân tạo phù hợp với tình hình thực tiễn từng giai đoạn.



Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường, trong phần giải trình và tiếp thu dự án luật, đã nhấn mạnh sự cần thiết phải xác định rõ các tiêu chí đối với AI có rủi ro cao và bổ sung các quy định về hạn chế rủi ro. Ủy ban cũng cho rằng việc phát triển AI cần chọn lọc và vận dụng kinh nghiệm quốc tế một cách phù hợp, đồng thời yêu cầu sản phẩm do AI tạo ra phải có dấu hiệu nhận dạng rõ ràng.

Tham khảo Đạo luật Trí tuệ nhân tạo của Liên minh Châu Âu, dự thảo luật đã bổ sung quy định về các tiêu chí cơ bản để xác định hệ thống AI có rủi ro cao dựa trên mức độ ảnh hưởng đến sức khỏe, an toàn, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Chính phủ sẽ quy định cụ thể về phân loại, thẩm quyền và nội dung quản lý đối với các hệ thống AI có tác động và rủi ro cao, nhằm đảm bảo tính linh hoạt trong quản lý và điều hành.

Một nội dung quan trọng khác được Quốc hội thảo luận là việc quản lý tài sản mã hóa. Dự thảo luật định nghĩa tài sản mã hóa là một loại tài sản số sử dụng công nghệ mã hóa hoặc công nghệ số tương tự để xác thực trong quá trình tạo lập, phát hành, lưu trữ và chuyển giao. Luật cũng làm rõ rằng tài sản mã hóa không bao gồm chứng khoán, các dạng số của tiền pháp định và các tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các quy định về quản lý tài sản số bao gồm tạo lập, phát hành, lưu trữ, chuyển giao và xác lập quyền sở hữu tài sản số. Dự thảo luật yêu cầu cơ quan chức năng phải có biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, phòng chống rửa tiền và khủng

bố, cũng như tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tài sản số. Hoạt động cung cấp dịch vụ và phát hành tài sản mã hóa cũng phải tuân thủ các điều kiện kinh doanh cụ thể.

Thẩm quyền và quản lý đối với tài sản số, tài sản ảo trên môi trường điện tử và tài sản mã hóa trong các lĩnh vực chuyên ngành sẽ do Chính phủ quy định, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Thường trực Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường cho biết đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan như Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Hiệp hội Ngân hàng và Hiệp hội Blockchain trong quá trình xây dựng dự luật.

Nhiều ý kiến đại biểu Quốc hội đề nghị bổ sung các khái niệm và phân loại cụ thể hơn đối với tài sản ảo, tài sản mã hóa, tiền mã hóa, NFT, các mã thông báo, tiền pháp định và tài sản tài chính, đồng thời có quy định về việc cung ứng các dịch vụ liên quan. Mục tiêu của việc này là nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chống lại gian lận, lừa đảo, rửa tiền và tài trợ khủng bố. Các đại biểu cũng cho rằng dự luật cần bổ sung các chế tài mạnh mẽ hơn để hạn chế rủi ro và xử lý hiệu quả các thách thức về quản lý trong không gian mạng hiện nay.

Phiên thảo luận về dự án Luật Công nghiệp công nghệ số đã diễn ra sôi nổi với nhiều ý kiến đóng góp tâm huyết từ các đại biểu Quốc hội. Những nội dung được thảo luận hôm nay cho thấy sự quan tâm sâu sắc của Quốc hội đối với việc thúc đẩy phát triển công nghệ số, đặc biệt là AI và quản lý tài sản mã hóa, một lĩnh vực đang phát triển mạnh mẽ và đặt ra

nhieu thách thức mới. Kỳ vọng rằng, với sự thảo luận kỹ lưỡng và trách nhiệm, dự luật sẽ sớm được thông qua, tạo hành lang pháp lý vững chắc

cho sự phát triển của ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam trong tương lai.

Nguồn: <https://sohuutritue.net.vn>

THẾ CHẤP TÀI SẢN TRÍ TUỆ: MỘT BÀI TOÁN KHÓ

Dù sở hữu tài sản trí tuệ có giá trị cao gấp nhiều lần so với tài sản hữu hình, doanh nghiệp khó có thể dùng loại tài sản này để thế chấp vay vốn ở các ngân hàng Việt Nam.

Năm 2012, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) đã cho Công ty liên doanh nước ngoài Lifepro vay 70 triệu USD, với tài sản thế chấp là quyền sử dụng sáu nhãn hiệu của công ty này. Khi Lifepro không thể thanh toán khoản vay, Agribank đã tiến hành xử lý tài sản thế chấp. Lúc này, họ mới phát hiện ra sáu nhãn hiệu trên được

Lifepro nhận li xăng (chuyển nhượng quyền sử dụng) từ công ty thời trang FGF Industrial Spa của Ý, chứ Lifepro không phải là chủ sở hữu. Do vậy, Agribank không thể xử lý được quyền sử dụng sáu nhãn hiệu này. Vụ việc gây xôn xao dư luận một thời, đặt ra câu hỏi tại sao những tài sản không có thật như vậy lại được dùng để thế chấp vay đến cả nghìn tỷ đồng.



Vụ thế chấp hy hữu này là một trong những trường hợp điển hình cho thấy những vướng mắc về thế chấp tài sản trí tuệ ở Việt Nam. “Hợp đồng thế chấp giữa Agribank với Công ty liên doanh Lifepro Việt Nam xác định tài sản thế chấp là sáu nhãn hiệu thương mại là không chính xác bởi vi phạm điều kiện bên thế chấp - Công ty Liên doanh Lifepro Việt Nam không phải là chủ sở hữu tài sản thế chấp. Việc định giá quyền sử dụng sáu nhãn hiệu thương mại của FGF Industry Spa đủ điều kiện làm tài sản bảo đảm cho khoản vay 70 triệu USD cũng là điều không hợp lý”, TS. Nguyễn Hoàng Long ở Trường ĐH Luật Hà Nội, phân tích trong luận án tiến sĩ về thế chấp quyền tài sản ở Việt Nam.¹ “Kết quả này đến từ quy trình thẩm định, đánh giá, trình duyệt khoản vay, quản lý rủi ro của Agribank là vô cùng lỏng lẻo, tạo kẽ hở cho cán bộ làm sai nhằm mục đích trục lợi”.

Tiềm năng còn bỏ ngỏ

Thực ra, việc sử dụng các tài sản trí tuệ như sáng chế, nhãn hiệu... làm tài sản đảm bảo để vay vốn ngân hàng là một trong những phương thức khai thác tài sản trí tuệ phổ biến trên thế

giới. Chẳng hạn ở Mỹ, số lượng bằng sáng chế được dùng làm tài sản thế chấp đã tăng gần 10.000 bằng sáng chế vào năm 1995 lên gấp năm lần vào năm 2013, gần 50.000 bằng sáng chế. Xu hướng tương tự cũng diễn ra ở Trung Quốc, hoạt động cho vay thế chấp bằng sáng chế và nhãn hiệu đang phát triển mạnh, đạt gần 500 tỷ nhân dân tệ vào năm 2022. Các loại hình cho vay này tăng trưởng đều đặn từ năm 2016-2022 với tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt gần 30%. Trong ba quý đầu năm 2023, hoạt động cho

vay thế chấp bằng sáng chế và nhãn hiệu ở nước này đạt 495 tỷ nhân dân tệ, tăng hơn 50% so với cùng kỳ năm trước. “Thế chấp tài sản trí tuệ ngày càng trở nên có ý nghĩa đối với các doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận nguồn vốn vay, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như các doanh nghiệp khởi nghiệp”, TS. Hoàng Lan Phương ở trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn (ĐHQGHN), nhận xét.² “Do có ít tài sản cố định có giá trị nên các doanh nghiệp này rất khó để tiếp cận nguồn vốn vay truyền thống từ phía các ngân hàng và thường phải chấp nhận vay với giá cao, nên nếu tài sản trí tuệ được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng sẽ là một giải pháp tìm vốn thay thế”.

Chẳng cần đến khi giá trị của tài sản trí tuệ cũng như tài sản vô hình được chứng minh ngày càng chiếm phần quan trọng như hiện nay - theo báo cáo của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), trước năm 1980, tài sản hữu hình chiếm 80% giá trị doanh nghiệp, nhưng chỉ sau 30 năm, giá trị tài sản hữu hình chỉ còn 20%, thậm chí là thấp hơn, hoạt động thế chấp tài sản trí tuệ đã xuất hiện khá sớm. Từ thế kỷ 19, Thomas Edison đã sử dụng bằng sáng chế về bóng đèn sợi đốt làm tài sản thế chấp để vay vốn thành lập Công ty General Electric - giờ đây đã trở thành tập đoàn đa quốc gia nổi tiếng trên toàn cầu. “Với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tài sản trí tuệ có thể là tài sản có giá trị nhất mà họ sở hữu, thậm chí vượt xa tài sản hữu hình. Việc chấp nhận tài sản trí tuệ làm tài sản thế chấp sẽ mở ra một kênh huy động vốn quan trọng cho các doanh nghiệp này, giúp họ có nguồn lực tài chính để phát triển, mở

rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh”, luật sư Nguyễn Vũ Quân và các cộng sự ở Kenfox IP & Law Office, nhận xét trong một bài viết trên *Lexology*.³

Những doanh nghiệp nhỏ không phải là đối tượng duy nhất quan tâm đến phương thức vay vốn này. Thế chấp tài sản trí tuệ cũng là “phao cứu sinh” của nhiều doanh nghiệp lớn khi lâm vào tình trạng khó khăn. Theo một báo cáo của Liên đoàn công nghiệp Ấn Độ và Công ty quản lý đầu tư Duff & Phelps, các doanh nghiệp lớn thường thế chấp tài sản trí tuệ khi gặp khó khăn hoặc có nguy cơ phá sản. Chẳng hạn như tập đoàn Xerox đã phải thế chấp các bằng sáng chế khi gặp vấn đề liên quan đến gian lận tài chính vào năm 2002. Một trong những hãng sản xuất ô tô lớn nhất thế giới General Motors cũng từng phải thế chấp bằng sáng chế của mình trong hai năm khi đứng trước nguy cơ phá sản vào năm 2009. Kodak - một trong những công ty sản xuất thiết bị nhiếp ảnh hàng đầu thế giới, đã phải nộp đơn xin phá sản vào năm 2012. Để cứu vãn tình hình, Kodak đã bán hơn 1000 bằng sáng chế để vay hơn 500 triệu USD. Với số tiền huy động được cùng nỗ lực tái cấu trúc, Kodak đã thoát khỏi nguy cơ phá sản sau đó một năm.

Để mở rộng khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp, Việt Nam cũng ban hành một số quy định nhằm “mở đường” cho hoạt động thế chấp tài sản trí tuệ. Chẳng hạn Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định tài sản trí tuệ là một loại quyền tài sản. “Nguyên tắc cơ bản của luật dân sự Việt Nam là thừa nhận quyền tự do định đoạt tài sản của chủ sở hữu. Do đó, theo logic

pháp lý, quyền tài sản (bao gồm quyền sở hữu trí tuệ) có thể được sử dụng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, tức là làm tài sản thế chấp”, luật sư Nguyễn Vũ Quân phân tích. Một nội dung đáng chú ý khác về thế chấp tài sản trí tuệ nằm ở Nghị định 21 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về đảm bảo nghĩa vụ (Nghị định 21/2021/NĐ-CP), khẳng định “quyền tài sản phát sinh từ quyền sở hữu trí tuệ, quyền khác trị giá được bằng tiền phát sinh từ quyền sở hữu trí tuệ” là một loại tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. “Đây là một bước tiến quan trọng, chính thức hóa việc tài sản trí tuệ có thể được sử dụng làm tài sản thế chấp trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam”, luật sư Nguyễn Vũ Quân nhận xét.⁴

Dù đã được chứng minh là loại tài sản giá trị gấp nhiều lần tài sản hữu hình song các ngân hàng Việt Nam không mấy “mặn mề” với tài sản trí tuệ. “Để có thể vay vốn bằng việc thế chấp tài sản trí tuệ tại các ngân hàng ở Việt Nam là điều không dễ dàng”, TS. Hoàng Lan Phương cho biết.⁵ Đặc biệt là sau những vụ bê bối như trường hợp cho vay thế chấp sáu nhãn hiệu giữa Agribank và Lifepro, các ngân hàng đều lo ngại những rủi ro tiềm ẩn của tài sản trí tuệ lớn hơn nhiều so với tài sản cố định. Do vậy, các ngân hàng thương mại thường nhận thế chấp quyền sở hữu trí tuệ làm tài sản bảo đảm dự phòng bên cạnh việc nhận thế chấp tài sản hữu hình khác để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ.

Những vướng mắc chờ được tháo gỡ

Sự lo ngại rủi ro trong thế chấp tài sản trí tuệ xuất phát từ những

“khoảng trống pháp lý” của Việt Nam. “Dù Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị định 21 đã tạo cơ sở pháp lý, nhưng hệ thống pháp luật hiện hành vẫn còn thiếu các quy định chi tiết và quy trình cụ thể, gây khó khăn cho việc triển khai trên thực tế”, luật sư Nguyễn Vũ Quân phân tích.⁶ “Các văn bản hiện nay đều chưa quy định rõ về quy trình, thủ tục đăng ký thế chấp tài sản trí tuệ một cách rõ ràng, minh bạch. Chưa có quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của bên thế chấp và bên nhận thế chấp tài sản trí tuệ trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, cũng như còn thiếu cơ chế xử lý tài sản trí tuệ thế chấp một cách hiệu quả và bảo đảm quyền lợi các bên khi có vi phạm nghĩa vụ”. Chẳng hạn như trường hợp thế chấp sáu nhãn hiệu giữa Lifepro và Agribank, bên nhận thế chấp đã không xác định rõ quyền sở hữu tài sản trí tuệ trước khi nhận thế chấp. Tất nhiên, một phần nguyên nhân nằm ở sự thiếu thận trọng và những vấn đề nội bộ của Agribank, song không thể phủ nhận, những “khoảng trống pháp lý” khiến các bên phải tự “mò mẫm”, dẫn đến gia tăng nguy cơ “vấp ngã” trong quá trình thế chấp tài sản trí tuệ.

Một rào cản lớn khác là định giá tài sản trí tuệ - bài toán quen thuộc thường được nhắc đến trong các hội thảo về thương mại hóa tài sản trí tuệ. “Hiện nay, các ngân hàng thương mại Việt Nam đang cho vay dựa trên định giá tài sản đảm bảo làm căn cứ xác định mức cho vay. Nếu không xác định được giá trị tài sản đảm bảo thì các ngân hàng sẽ không có căn cứ để xác định được giới hạn cho vay tối đa theo giá trị tài sản đảm bảo”, TS. Trần Thị Thu Hường, nhận xét trong một bài viết trên *Tạp chí Khoa học & Đào*

tạo ngân hàng.⁷ Tuy nhiên, “rất khó định giá tài sản trí tuệ do tài sản trí tuệ thường là tài sản đứng một mình, không có tài sản tương đương trên thị trường, do vậy cũng rất khó xác định được tỷ lệ chiết khấu đối với tài sản trí tuệ. Điều này sẽ là trở ngại lớn nhất của các ngân hàng thương mại Việt Nam”.

Các phương pháp định giá hiện nay cũng rất khó áp dụng với tài sản trí tuệ bởi tính chất đặc biệt của loại tài sản này. Giá trị của tài sản trí tuệ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như công nghệ, thời hạn bảo hộ, độ nhận diện thương hiệu, uy tín, niềm tin của người tiêu dùng... “Việc các đối thủ cạnh tranh thực hiện các hành vi cạnh tranh không lành mạnh hoặc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ như làm hàng giả, hàng nhái cũng có thể làm giảm sút uy tín cũng như giá trị của tài sản trí tuệ đang được thế chấp”, TS. Hoàng Lan Phương cho biết.⁸ “Sự không ổn định về giá trị của tài sản trí tuệ bởi những yếu tố như trên sẽ gây ảnh hưởng đến việc định giá tài sản trí tuệ khi thế chấp cũng như có thể gây rủi ro cho bên nhận thế chấp khi xử lý tài sản trí tuệ để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ”.

Có thể thấy, con đường biến tài sản trí tuệ thành tiền - thông qua hoạt động thế chấp ở Việt Nam vẫn còn khá gập ghềnh. Việc gỡ bỏ những rào cản là một hành trình đòi hỏi sự tham gia của nhiều bên, và không thể hoàn thành trong “một sớm, một chiều”. Song song với việc chờ đợi những thay đổi chính sách từ phía nhà nước, các ngân hàng và doanh nghiệp cũng cần chủ động tìm ra giải pháp cho riêng mình. “Cán bộ tín dụng phải cập nhật nhanh chóng với thị trường tài sản trí tuệ, cũng như cách

xác định giá trị tài sản trí tuệ cho mục đích đảm bảo cho vay phù hợp với thị trường cho vay của Việt Nam và sự an toàn của ngân hàng”, TS. Trần Thị Thu Hường nhận xét.⁹ “Một cách khác giúp ngân hàng có thể thực hiện được công tác định giá tài sản trí tuệ

là ký hợp đồng thuê ngoài với bên thứ ba để thuê mua dịch vụ này. Bên thứ ba sẽ phân tích, đánh giá minh bạch giá trị tài sản trí tuệ, giải trình rõ ràng, ký xác nhận, chịu trách nhiệm về công tác thẩm định đối với ngân hàng”.

Bài đăng KH&PT số 1346 (số 22/2025)

Chú thích:

[1] Xem thêm "*Thế chấp quyền tài sản theo quy định của pháp luật Việt Nam*", Nguyễn Hoàng Long, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2023.

[2], [5], [8] Hoàng Lan Phương, "*Thế chấp tài sản trí tuệ - Những khía cạnh pháp lý và thực tiễn thi hành*", Tạp chí Khoa học & Công nghệ Việt Nam, năm 2021.

[3], [4], [6] Nguyễn Vũ Quân, Đỗ Thị Phấn, Đào Thị Thúy Nga, Xem thêm "*Thế Chấp Tài Sản Trí Tuệ - Nhân Hiệu tại Việt Nam: Phân Tích Pháp Lý và Triển Vọng Thị Trường*", Lexology, năm 2025.

[7], [9] Trần Thị Thu Hường, "*Cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là tài sản trí tuệ - Cơ hội, thách thức cho các ngân hàng thương mại Việt Nam*", Tạp chí Khoa học & Đào tạo ngân hàng, năm 2016.

Nguồn: <https://khoahocphattrien.vn>

KHI NÀO CẦN ĐẨY MẠNH SỞ HỮU TRÍ TUỆ?

(SHTT) - Theo Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng, một quốc gia không phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo thì có thể để việc "ăn cắp" sở hữu trí tuệ tràn lan. Việt Nam đã đến lúc phải làm tốt sở hữu trí tuệ để phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Tạp chí Sở hữu trí tuệ và Sáng tạo xin trân trọng giới thiệu toàn văn bài viết của Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng về khoa học Công nghệ (KHCN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số (CDS):



Mối quan hệ của bộ ba KHCN, ĐMST và CDS

CDS là môi trường, là mảnh đất tốt để phát triển nhanh KHCN và ĐMST. Phát triển KHCN chúng ta đã nói nhiều nhiệm kỳ, nhưng chưa đặt nó trong đúng ngữ cảnh thời đại để biết cách làm, tận dụng lợi thế Việt Nam. Ngữ cảnh phát triển KHCN lúc này là CDS: KHCN trong kỷ nguyên số, trong môi trường số. Cuộc CMCN 4.0 thì công nghệ số là chính: 50% công nghệ 4.0 là công nghệ số, 50% còn lại thì dựa trên công nghệ số để phát triển. ĐMST thì đến 80% là

ĐMST số (82% kỳ lân công nghệ là kỳ lân công nghệ số). Công nghệ số rất phù hợp với người và tiềm năng Việt Nam, chúng ta có thể đi nhanh hơn người khác về công nghệ số. Phải đẩy nhanh CDS để tạo môi trường phát triển KHCN, và ngược lại, KHCN lúc này cũng tập trung để đẩy nhanh CDS.

ĐMST để phát huy hết năng lực của KHCN, để sáng tạo trong quá trình ứng dụng KHCN tạo ra các giá trị thực tế cho phát triển kinh tế - xã hội. KHCN thời 4.0 phải đi với ĐMST. ĐMST để đưa KHCN vào



cuộc sống, là sự ứng dụng KHCN một cách sáng tạo. ĐMST có thể tạo ra giá trị có khi còn lớn hơn bản thân KHCN. ĐMST có khi làm kinh ngạc chính người phát triển ra KHCN. ĐMST cũng rất phù hợp với người Việt Nam, đó là năng lực vận dụng. Vận dụng của người Việt Nam chính là sự ứng dụng có sáng tạo. Về vận dụng thì không dân tộc nào bằng Việt Nam. Vận dụng lại là năng lực cốt lõi của ĐMST.

KHCN Việt Nam sẽ phát triển mạnh mẽ và đột phá, đóng góp cao vào tăng trưởng GDP nếu nó đi cùng với 2 yếu tố CDS và ĐMST.

Luật KHCN và ĐMST là sự kết nối giữa KHCN và ĐMST

Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 sẽ được sửa đổi thành Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo. Lần đầu tiên, ĐMST được đặt ngang với KHCN. Nhấn mạnh ĐMST là nhấn mạnh khía cạnh ứng

dụng của KHCN. Đây là thay đổi quan trọng.

Khoa học tạo ra tri thức mới. Từ tri thức mới thì công nghệ được phát triển. ĐMST là ứng dụng công nghệ mới để tạo ra sản phẩm/dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh mới. Chỉ đến lúc này, KHCN mới thực sự tạo ra giá trị thực tiễn, góp phần vào phát triển KT-XH, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Một công nghệ có thể có hàng ngàn ứng dụng mà nhà phát triển công nghệ cũng không biết đến, đây là đặc điểm rất quan trọng của các công nghệ thời 4.0 (trước đây một công nghệ thường chỉ có một sản phẩm), bởi vậy mà cần ĐMST để từ một công nghệ nền tảng sẽ ra các ứng dụng khác nhau cho các lĩnh vực khác nhau, cho các doanh nghiệp khác nhau.

Đổi mới có thể chỉ đơn giản là mua một cái mới về dùng. Còn



ĐMST là mang cái mới về dùng nhưng có sáng tạo dựa trên thực tiễn của mình để tạo ra cái mà ngay cả người bán cái mới cho mình cũng không biết. Chúng ta phải hiểu rất đúng về ĐMST: Mang cái mới về nhưng sáng tạo thêm cái mới nữa trên cái mới đó.

KHCN thì dành cho nhóm nhỏ. Nhưng ĐMST là dành cho tất cả: mọi doanh nghiệp, mọi tổ chức, mọi người. ĐMST thì đại chúng hoá được. Việt Nam muốn phát triển đột phá thì phải đại chúng hoá.

Bác Hồ đã dạy, cái gì mà kết hợp được cả 3: dân tộc, khoa học và đại chúng, thì sẽ thành công.

Hợp nhất Bộ TT&TT và Bộ KH&CN để kết nối tiếp KHCN/ĐMST với CDS

Thế giới có chưa tới 5% các quốc gia nối bộ ba này với nhau và đưa về 1 Bộ quản lý. Việt Nam là nhóm đi đầu. Đẩy mạnh CDS để phát triển KHCN/ĐMST, và phát triển KHCN/ĐMST để thúc đẩy nhanh CDS.

Thế giới thì nói nhiều về phát triển dựa trên KHCN. Không nhiều nước nhấn mạnh KHCN đi đôi với ĐMST. Rất ít nước tuyên bố về phát triển đất nước dựa trên bộ 3 KHCN/ĐMST/CDS. Việt Nam là nước tiên phong. Việt Nam đã đến lúc phải tiên phong về quan điểm phát triển phù hợp với văn hoá Việt Nam, đúng xu thế thời đại và đại chúng hoá được tư tưởng của mình.

Đảo chiều

Truyền thống của KHCN là đi từ nghiên cứu khoa học, từ KH -> CN -> ĐMST -> CDS. Nay, phải làm ngược lại, đi từ cuộc sống, từ nhu cầu cuộc sống, từ CDS -> ĐMST -> CN -> KH. CDS tạo ra môi trường tốt, mảnh đất tốt cho ĐMST. ĐMST tạo ra nhu cầu về phát triển CN. Phát triển CN đặt ra bài toán về nghiên cứu KH, nghiên cứu cơ bản. Tức là, thay vì đi từ trên Trời xuống dưới Đất thì đi từ dưới Đất lên trên Trời nhiều hơn. 70% là đi từ dưới Đất đi lên, 30% là đi từ trên Trời đi xuống.

Mối quan hệ 3 nhà, Nhà nước - Viện trường - Doanh nghiệp, cũng phải đảo lại thứ tự là: Doanh nghiệp - Viện trường - Nhà nước. Doanh nghiệp phát sinh nhu cầu về KHCN/ĐMST thì chủ động mang bài toán, vấn đề của mình tìm đến viện, trường và hợp tác với viện, trường. Nhà nước hỗ trợ mối quan hệ này.

KHCN/ĐMST/CĐS phải đóng góp cho sự phát triển KT-XH và đo lường được sự đóng góp này

Quản lý KHCN thì đầu tiên là phải đo lường được đóng góp của KHCN tới tăng trưởng kinh tế. Không đo lường, đánh giá được thì không quản lý được, không thúc đẩy được và không biết được hiệu quả, rất dễ dẫn đến lãng phí. Nhiều quốc gia chi rất nhiều cho KHCN nhưng vẫn không thoát được bẫy thu nhập trung bình. Bộ KH&CN sẽ ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động KHCN/ĐMST/CĐS.

Việt Nam tăng trưởng 10% thì KHCN/ĐMST/CĐS phải đóng góp trên 5%. Phát triển dựa trên KHCN/ĐMST/CĐS là chính thì tăng trưởng chính phải dựa trên KHCN/ĐMST/CĐS.

Trong 5% tăng trưởng GDP đó của giai đoạn 2025-2030 thì ĐMST phải đóng góp 3%, CĐS 1-1,5% và KHCN 1%. Có nghĩa là ĐMST phải đóng góp chính, 60%, CĐS là 25%, KHCN giai đoạn này là 15%.

Có đo lường được đầu ra thì mới chuyển quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm, chuyển từ quản lý đầu vào sang quản lý đầu ra (từ đếm hoá đơn chứng từ sang đếm kết quả nghiên cứu), từ quản lý quá trình sang quản lý mục tiêu, từ không chấp nhận rủi ro của

từng dự án nghiên cứu sang đánh giá hiệu quả tổng thể của các dự án nghiên cứu và chấp nhận rủi ro của một dự án nghiên cứu, từ chi "rón rén" cho KHCN/ĐMST/CĐS sang chi nhiều hơn (từ 1% ngân sách sang 3% ngân sách, từ 0,5% GDP sang 2-4% GDP), từ kiểm soát chi phí nghiên cứu sang khoán chi, từ trả lại kết quả nghiên cứu cho Nhà nước sang để lại cho cơ sở nghiên cứu để thương mại hoá, từ người nghiên cứu chỉ nhận được tiền công nghiên cứu sang người nghiên cứu được hưởng một phần kết quả nghiên cứu. Đo lường được kết quả đầu ra của KHCN/ĐMST/CĐS là chìa khóa then chốt, mang tính quyết định để chúng ta chuyển đổi cách làm, cách quản lý và tạo ra sự đột phá.

Về Đổi mới sáng tạo

ĐMST thì *Đổi mới công nghệ (Tech Innovation)* là chính. Đây là đầu tư mua sắm công nghệ mới, thiết bị công nghệ mới. Thay thế thiết bị cũ, công nghệ cũ. Ứng dụng công nghệ mới phải đi với cải tiến quy trình để giảm chi phí, tăng năng suất lao động. Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài. Kết hợp công nghệ mới vào mô hình kinh doanh. Đây là việc dễ làm nhưng hiệu quả cao. Nhà nước cần hỗ trợ cho quá trình đổi mới công nghệ này. Lập quỹ đổi mới công nghệ để hỗ trợ. Quỹ này nên chiếm tới 40% chi KHCN/ĐMST. Và cần 5% của quỹ này chỉ cho việc thành lập các trung tâm hỗ trợ đổi mới công nghệ của các ngành, chỉ cho tư vấn, đào tạo, đặc biệt là để giúp các doanh nghiệp phát huy hết hiệu quả của công nghệ đã mua sắm. Khảo sát giai đoạn 2015-2020 cho thấy, các công

nghe được mua sắm chưa phát huy hết hiệu quả, ít quá trình cải tiến nên GDP bị giảm mất 1,3%.

ĐMST còn là khởi nghiệp sáng tạo. Khởi nghiệp sáng tạo của chúng ta được định nghĩa là doanh nghiệp mới và phát triển nhanh. Không chú trọng đến sự phát triển mang tính đột phá, cách mạng, đến giải quyết các bài toán lớn của xã hội, đến sự phá huỷ các đế chế cũ - sự phá huỷ mang tính sáng tạo. Phải thay đổi khái niệm này thì mới sinh ra được các startup lớn, các unicorn. Khởi nghiệp sáng tạo thì cần đến quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia làm môi, theo cơ cấu Nhà nước 30, xã hội 70 và thuê doanh nghiệp chuyên nghiệp vận hành.

Khởi nghiệp sáng tạo sẽ bùng nổ nếu cho phép các doanh nghiệp lớn được sử dụng quỹ phát triển KHCN để đầu tư startup. Sẽ có hàng trăm quỹ, mỗi quỹ sẽ hàng ngàn tỷ. Các doanh nghiệp lớn thì lựa chọn đầu tư, mở rộng quy mô thành công của startup sẽ tốt hơn rất nhiều. Luật KHCN và ĐMST sắp tới sẽ thiết kế nội dung này.

ĐMST còn là đại chúng hoá. Nếu chúng ta xây dựng được tinh thần ĐMST ở mọi lĩnh vực, mọi cấp, đến từng người dân thì ĐMST sẽ tạo ra tăng trưởng GDP mạnh mẽ hơn nữa. Có thể không phải 3%, mà ĐMST sẽ tạo ra 4% tăng trưởng GDP.

Về Chuyển đổi số.

CĐS tạo ra 1-1,5% GDP thì không khó. Chỉ một việc tăng gấp đôi tốc độ di động thì đã cho 1% GDP. Hạ tầng số phải được đặt ngang hàng với hạ tầng giao thông, nhà nước phải tham gia đầu tư để hạ tầng này vượt trội, đi trước. Phát triển kinh tế số, tạo ra giá trị từ dữ liệu, chấp nhận và phát triển tài sản số thì còn tăng nữa.

Cuộc cách mạng số tạo ra khá nhiều sự phá huỷ mang tính sáng tạo và tạo ra sự phát triển đột phá. Bởi vậy, Sandbox trong lĩnh vực công nghệ số có ý nghĩa quyết định. Nhà nước vẫn đang loay hoay về cơ chế Sandbox. Hiện nay nhà nước làm cơ chế Sandbox. Bộ KH&CN đề xuất, Luật KH,CN và ĐMST sẽ quy định các nguyên tắc về Sandbox; xây dựng nghị định khung về Sandbox, sau đó



các bộ ngành, địa phương ra hướng dẫn làm Sandbox.

Cách thức đẩy nhanh nhất CDS là bằng các quyết định hành chính. Quy định mọi hoạt động của Nhà nước phải thực hiện trên môi trường số. CDS không phải vấn đề công nghệ. Cũng không phải vấn đề đầu tư, vì CDS không tồn kém nếu dùng các nền tảng số dùng chung. Nếu quy định 100% địa phương phải cung cấp dịch vụ công trực tuyến và dùng cung cấp dịch vụ công offline, thì 1-2 năm sẽ xong vấn đề này. Nhưng do không có quyết định mạnh mẽ nên 25 năm nay làm mãi chưa xong.

Việc xây dựng các CSDL cũng vậy. Chính phủ giao nhiệm vụ cho từng bộ, ngành và địa phương về CSDL gì, bao giờ xong, và gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

Về kết nối, chia sẻ dữ liệu, cũng cần một quyết định hành chính, ai kết nối với ai và cái gì, thì cũng chỉ 6-12 tháng là xong các vấn đề về kết nối.

Đảng quyết định công tác cán bộ, đây là cái thuận lợi để làm CDS thông qua các quyết định hành chính, giao nhiệm vụ cho các bộ ngành và địa phương.

Về Khoa học công nghệ

KHCN là để *mở rộng đường biên công nghệ (Tech frontier)*. Đây là đầu tư R&D. Vượt qua giới hạn của công nghệ mà chúng ta mua về. Tạo ra công nghệ, giải pháp, quy trình, ứng dụng, sản phẩm mới có tính độc đáo, vượt khỏi mức hiện có trong ngành hoặc khu vực, vượt khỏi mức mà Việt Nam mua được. Nó không nhất thiết phải to tát, nó có thể là một giải pháp kỹ thuật độc đáo, như tăng năng suất 30% so với tiêu chuẩn

ngành, một sáng chế nhỏ nhưng hữu ích có thể đăng ký sở hữu trí tuệ và thương mại hoá được, một quy trình sản xuất sạch hơn, rẻ hơn. Quan trọng là doanh nghiệp không còn đi sau, mà bắt đầu tạo ra khác biệt. Mở rộng đường biên công nghệ để thoát bẫy gia công, phụ thuộc, nâng cao giá trị gia tăng, tăng lợi nhuận và khả năng cạnh tranh, vươn ra thế giới, nâng cao vị thế công nghệ quốc gia.

Mở rộng đường biên công nghệ là con đường KHCN/ĐMST/CDS Việt Nam.

Chuyển toàn bộ nghiên cứu cơ bản về đại học, vì nơi đây tập trung nguồn lực lớn nhất về nghiên cứu, đó là giảng viên, nghiên cứu sinh và sinh viên. Phát triển công nghệ thì dựa vào viện và doanh nghiệp nhiều hơn, nhưng doanh nghiệp là chính. Giao phát triển các công nghệ chiến lược cũng chọn doanh nghiệp lớn mà giao. Và không phân biệt doanh nghiệp Nhà nước hay tư nhân.

Về vai trò của tiêu chuẩn trong phát triển KHCN/ĐMST/CDS

Tiêu chuẩn là nền tảng kỹ thuật cho các hoạt động kinh tế - xã hội. Tiêu chuẩn đóng vai trò nền tảng và dẫn dắt trong công cuộc CNH, HĐH, trong hệ thống quản trị quốc gia và năng lực quản trị quốc gia.

Tiêu chuẩn là công cụ quan trọng, động lực thúc đẩy phát triển KHCN, ĐMST và CDS. Quốc gia muốn phát triển theo hướng nào thì dùng tiêu chuẩn để dẫn dắt quốc gia theo hướng đó. Lâu nay chúng ta bỏ quên mất công cụ này. Bây giờ muốn phát triển số thì ra tiêu chuẩn số. Muốn ĐMST thì ra tiêu chuẩn về

ĐMST. Muốn phát triển KHCN thì ra các tiêu chuẩn KHCN.

Khi nào thì cần đẩy mạnh sở hữu trí tuệ?

Đẩy mạnh sở hữu trí tuệ khi đất nước muốn phát triển dựa trên KHCN/ĐMST. Điều kiện thứ hai là GDP/người bắt đầu trên 4000 USD.

Phải đẩy mạnh sở hữu trí tuệ thì công nghệ nước ngoài mới vào Việt Nam.

Khi GDP đã trên 4000 USD/người và Nhà nước có định hướng phát triển dựa trên KHCN/ĐMST thì các doanh nghiệp trong nước bắt đầu sáng tạo nhiều, họ cũng cần bảo vệ sở hữu trí tuệ.

Một quốc gia không phát triển KHCN/ĐMST thì có thể đề việc "ăn cắp" sở hữu trí tuệ tràn lan. Việt Nam đã đến lúc phải làm tốt sở hữu trí tuệ để phát triển KHCN/ĐMST.

Cơ hội cho KHCN/ĐMST/CĐS là khi đất nước có việc rất khó hoặc do Lãnh đạo đặt ra mục tiêu rất cao

Việt Nam đang phải đối mặt với các thách thức rất lớn, đang làm những việc rất khó, chưa từng có, có cái chưa từng có tại Việt Nam, có cái chưa từng có trên thế giới. Đó là: Tăng trưởng 2 con số khi GDP/người đã 5000 USD, thoát bẫy thu nhập trung bình, trở thành nước phát triển thu nhập cao, tăng trưởng chất lượng cao, tinh gọn bộ máy (nhập bộ, nhập tỉnh, nhập xã và bỏ huyện), có 2 đô thị là 2 đầu tàu kinh tế nhưng bị vấn đề siêu nén, quá tải...

KHCN/ĐMST/CĐS vốn là việc khó, rất ít nước làm được. Mọi người chỉ làm và có thể làm được khi bị bắt buộc phải làm, khi không có lựa chọn nào khác. Những việc mà Việt Nam đang đối mặt thì không có lựa chọn nào khác là KHCN/ĐMST/CĐS.

Ở một góc nhìn khác thì chính những khó khăn mà Việt Nam đang đối mặt lại là bài toán cho KHCN/ĐMST/CĐS. Trong khi nguồn lực của Việt Nam đang có hạn thì việc tập trung vào giải quyết các bài toán có tính ưu tiên này lại là việc không dàn trải, có tập trung. Trọng tâm vốn là cái mà chúng ta lâu nay chưa làm được.

Vậy, KHCN/ĐMST/CĐS cần tập trung vào giải quyết những bài toán cấp bách này. Tính khả thi sẽ tăng lên. Có ngân sách chi cho các việc lớn này, các doanh nghiệp Việt Nam khi làm có thể phải cần đến hợp tác, khi đó cả thế giới là sân sau của Việt Nam. Có việc lớn, tức là có tiền để làm, thì có thể thuê cả thế giới làm thuê cho mình, giống như các nước Arab.

Sức mạnh của chế độ là sức mạnh lớn nhất của Việt Nam

Chúng ta có một Đảng lãnh đạo. Đảng của chúng ta có uy tín lớn có thể hiệu triệu được toàn dân, có thể ra những quyết định lớn, đột phá.

Quyết định lớn và đúng, hiệu triệu, huy động được toàn dân, thì việc gì cũng thành. KHCN/ĐMST/CĐS là một sự nghiệp đúng, rất phù hợp với văn hoá, bối cảnh, xu thế và khát vọng Việt Nam.

Nguồn: <https://sohuutritue.net.vn>

NAM ĐỊNH: PHÁT HIỆN HÀNG TẤN VẢI MAY MẶC KHÔNG RÕ XUẤT XỨ

(SHTT) - Vừa qua, khi tiến hành kiểm tra đột xuất chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Chuyển phát Thái Tuấn, lực lượng chức năng tỉnh Nam Định đã phát hiện hàng tấn vải may mặc không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ theo quy định.

Thực hiện nghiêm túc Công điện số 65/CD-TTg ngày 15/5/2025 và Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về cao điểm phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong lĩnh vực y tế, tiêu dùng; sự chỉ đạo trực tiếp của UBND tỉnh Nam Định, Giám đốc Sở Công Thương và Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Nam Định, ngày 1/6 vừa qua, bằng công tác nghiệp vụ kết hợp với nguồn tin do người dân cung cấp, Đội Quản lý thị trường số 1 đã phối hợp với Phòng Cảnh sát Kinh tế – Công

an tỉnh Nam Định tiến hành kiểm tra đột xuất chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Chuyển phát Thái Tuấn.

Công ty Thái Tuấn thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Việt Anh, có địa chỉ tại đường N4, Khu công nghiệp Hòa Xá, phường Mỹ Xá, TP Nam Định.

Tại thời điểm kiểm tra, lực lượng chức năng phát hiện và tạm giữ số lượng lớn hàng hóa có dấu hiệu vi phạm về nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ.



Cụ thể, số hàng hóa bị tạm giữ gồm 303 cây vải may mặc (tương đương khoảng 3.800kg vải cotton và 14.000m vải sợi), 15.960 vỏ gối và 13 chiếc xe đạp điện. Tổng trị giá lô hàng ước tính khoảng 400 triệu đồng.

Qua đánh giá ban đầu, hành vi của chi nhánh Công ty TNHH Thái Tuấn có dấu hiệu vi phạm các quy định tại Nghị định số 98/2020/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Cụ thể: Hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ.

Hình thức xử phạt dự kiến: Phạt tiền khoảng 90 triệu đồng; tịch thu toàn bộ hàng hóa vi phạm; buộc tiêu hủy hoặc áp dụng các biện pháp xử lý bổ sung khác theo quy định.

Hiện Đoàn kiểm tra đang tiếp tục xác minh, làm rõ nguồn gốc hàng hóa và sẽ xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm.

Đây là một trong những vụ việc điển hình được phát hiện trong tháng

cao điểm phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (15/5–15/6/2025) do Bộ Công Thương phát động, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ và các bộ ngành.

Trong thời gian tới, Chi cục Quản lý thị trường Nam Định sẽ tiếp tục triển khai các đợt kiểm tra chuyên đề, tăng cường phối hợp với lực lượng Công an, Cục Thuế, Hải quan... để thanh tra có trọng tâm tại các điểm nghi vấn – đặc biệt là các kho thuê, kho trung chuyển, đơn vị kinh doanh logistics và dịch vụ chuyển phát nhanh.

Trước đó, Đội Quản thị trường số 1 đã phối hợp với Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Công an tỉnh Nam Định tiến hành kiểm tra đột xuất cơ sở kinh doanh đồ chơi trẻ em trên địa bàn TP. Nam Định, tỉnh Nam Định.

Tại thời điểm kiểm tra, đoàn kiểm tra phát hiện hơn 3.000 sản phẩm là đồ chơi trẻ em các các loại (ô tô đồ chơi, ví đồ chơi, bộ xếp hình các loại...) có dấu hiệu hàng hóa nhập lậu; hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ.

Nguồn: <https://sohuutritue.net.vn>

MẠNG LƯỢNG TỬ VÀ TƯƠNG LAI BẢO MẬT TOÀN CẦU

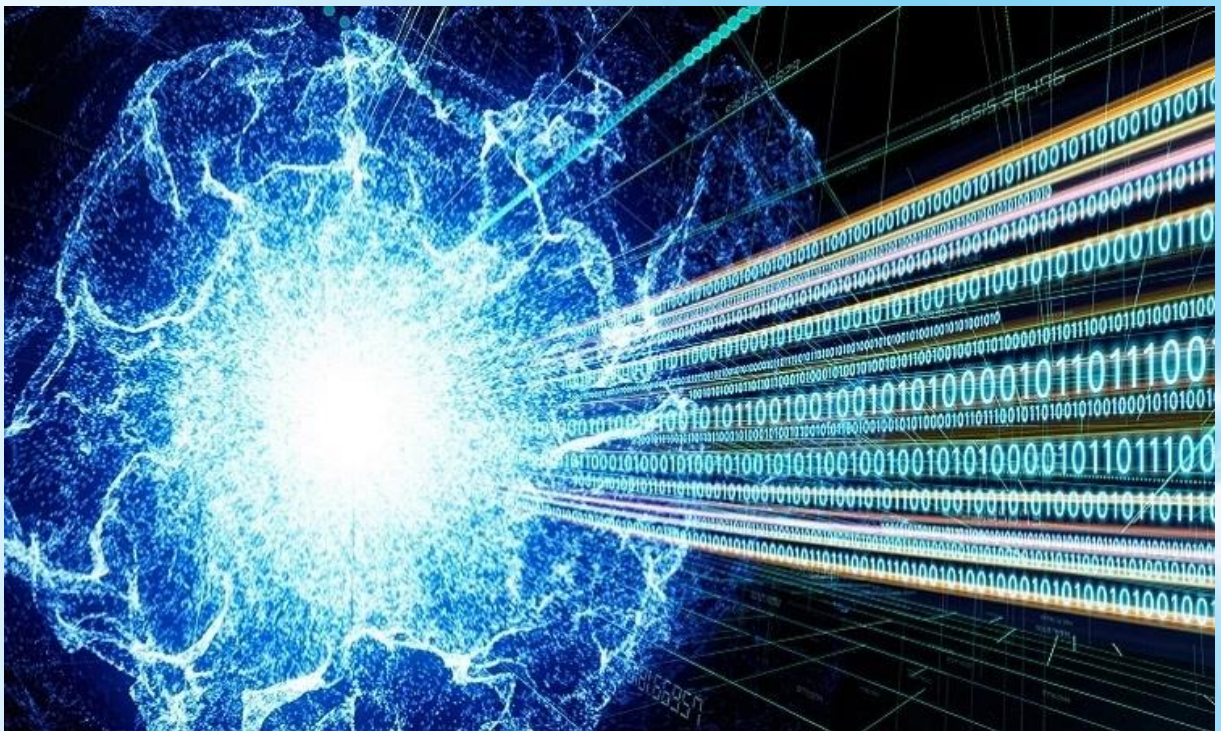
(SHTT) - Khi các giao thức mã hóa truyền thống đứng trước nguy cơ bị phá vỡ bởi sức mạnh máy tính lượng tử, công nghệ mạng lượng tử nổi lên như một giải pháp bảo mật tuyệt đối. Bài viết phân tích nguyên lý mạng lượng tử, thách thức kỹ thuật và triển vọng ứng dụng trên toàn cầu.

Không chỉ là một bước tiến về mặt kỹ thuật, mạng lượng tử mở ra triển vọng về một nền tảng truyền thông an toàn tuyệt đối, mà các phương pháp mã hóa cổ điển không thể đạt tới.

Mạng lượng tử dựa trên hiện tượng vướng víu lượng tử (quantum entanglement), một nguyên lý vật lý

bên ngoài. Nhờ đó, mạng lượng tử mang lại khả năng phát hiện mọi nỗ lực xâm nhập vào đường truyền, từ đó đảm bảo tính toàn vẹn và bảo mật của dữ liệu truyền tải.

Tuy nhiên, việc triển khai thực tế mạng lượng tử vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức kỹ thuật đáng kể. Hiện tượng vướng víu lượng tử rất nhạy cảm với môi trường bên ngoài,



độc đáo cho phép hai hạt photon hay electron liên kết với nhau một cách mật thiết dù cách xa hàng trăm, thậm chí hàng nghìn kilômét. Điều đặc biệt là bất kỳ tác động nào lên một trong hai hạt này sẽ ngay lập tức ảnh hưởng đến hạt còn lại, giúp phát hiện nhanh chóng sự can thiệp hoặc gián đoạn từ

đễ bị mất mát hoặc nhiễu tín hiệu khi truyền qua khoảng cách xa, đồng thời chi phí đầu tư thiết bị chuyên dụng như bộ phát photon và bộ thu quang học cũng rất cao. Bên cạnh đó, việc tích hợp mạng lượng tử vào hạ tầng mạng hiện có để phục vụ các ứng dụng thực tế cũng đòi hỏi các giải

pháp công nghệ và chuẩn giao thức mới.

Dù vậy, mạng lượng tử đang nhận được sự quan tâm đặc biệt từ các quốc gia và tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới. Trung Quốc đã thiết lập thành công mạng lượng tử xuyên lục địa, trong khi các tổ chức như Liên minh Châu Âu, IBM và Google đều đẩy mạnh nghiên cứu nhằm thương mại hóa công nghệ này. Ứng dụng mạng lượng tử được kỳ vọng sẽ bảo vệ an ninh thông tin trong các lĩnh vực then chốt như ngân hàng, truyền

thông quân sự, và bảo vệ các cơ sở hạ tầng trọng yếu, giúp ngăn chặn các cuộc tấn công mạng ngày càng tinh vi.

Nhìn chung, mạng lượng tử không chỉ là một bước tiến công nghệ mà còn là nền tảng cho tương lai của an ninh mạng toàn cầu. Mặc dù còn nhiều rào cản cần vượt qua, xu hướng phát triển nhanh chóng và tiềm năng ứng dụng rộng rãi cho thấy mạng lượng tử sẽ đóng vai trò trọng yếu trong việc xây dựng thế giới số an toàn và tin cậy hơn.

Nguồn: <https://sohuutritue.net.vn>

SỞ HỮU TRÍ TUỆ: ĐIỂM TỰA CHO KINH TẾ TƯ NHÂN

Hành trình phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam gắn liền với những thăng trầm trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.



Hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Ảnh: TTXVN

Với bất cứ ai tìm mua sơn dầu ở Việt Nam vào những năm 1920, có lẽ lựa chọn đầu tiên của họ là sơn Gecko của ông Nguyễn Sơn Hà - một trong những doanh nhân hàng đầu của Việt Nam trong thời kỳ Pháp thuộc, được coi là “ông tổ” ngành sơn dầu Việt Nam. Dù “sinh sau đẻ muộn”, các sản phẩm sơn Gecko vẫn cạnh tranh được với những hãng ngoại nhập trên thị trường nhờ chất lượng không hề thua kém và giá thành phải chăng. Vào đầu thế kỷ 20, Gecko trở thành thương hiệu sơn nổi tiếng trên khắp cả nước và khu vực Đông Dương, có đại lý

độc quyền ở Phnom Penh, Bangkok và cả trên đất Pháp.

Việc phát triển những doanh nghiệp như vậy là mục tiêu mà bất cứ quốc gia nào cũng khao khát. Bởi lẽ, doanh nghiệp là một trong những nhân tố quan trọng góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh. Do vậy, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đặt ra mục tiêu đến năm 2030, phần đầu có hai triệu doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, 20 doanh nghiệp hoạt động/ngày. Ngoài ra, phải có ít

nhất 20 doanh nghiệp lớn tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Cũng giống như ươm mầm những cây xanh, các doanh nghiệp chỉ có thể “bám rễ” và phát triển “khỏe mạnh” khi gặp môi trường thuận lợi. Cụ thể, đó phải là môi trường kinh doanh có thủ tục thông thoáng, minh bạch, doanh nghiệp có thể nhận được sự hỗ trợ cần thiết, và đặc biệt, họ không phải lo lắng về nguy cơ đánh cắp tài sản trí tuệ. Nghị quyết 68 đã chú ý tới điều này. Để tạo ra môi trường lành mạnh cho kinh tế tư nhân, Nghị quyết yêu cầu rà soát, hoàn thiện và thực thi hiệu quả quy định pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu tài sản, trong đó có quyền sở hữu trí tuệ và tài sản vô hình; có chính sách hỗ trợ định giá, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nước, hỗ trợ khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân đăng ký quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài và các tổ chức quốc tế; có chế tài nghiêm khắc đối với hành vi vi phạm về sở hữu trí tuệ, nhất là vi phạm trên không gian thương mại điện tử. Để tạo thuận lợi cho xác lập quyền sở hữu trí tuệ, Nghị quyết cũng yêu cầu bảo đảm thực hiện trực tuyến toàn trình thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp, cắt giảm tối đa thời gian thực hiện thủ tục yêu cầu cấp quyền sở hữu trí tuệ, bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế.

Sự ra đời của Nghị quyết 68 được kỳ vọng sẽ góp phần “mở ra một chương mới” đầy hy vọng cho Việt Nam. Sở hữu trí tuệ ở đâu trong bước ngoặt này? “Nếu xem khu vực kinh tế tư nhân là đòn bẩy của một Việt Nam thịnh vượng thì quyền sở hữu trí tuệ xứng đáng được xem là một trong

những trụ đỡ quan trọng của đòn bẩy ấy”, ông Nguyễn Trần Hải Đăng, Trưởng phòng Pháp chế, Trung tâm Nghiên cứu công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK, nhận xét trên *Tạp chí Kinh tế Sài Gòn*.

Hành trình thăng trầm

Không phải lúc nào vai trò của sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế cũng được nhìn nhận một cách đúng đắn như ở Nghị quyết 68. Đây là điều từng xảy ra trong lần cải tạo công thương miền Bắc giai đoạn 1958-1960. Giữa vô vàn nguy cơ đe dọa đất nước Việt Nam non trẻ, mục tiêu bấy giờ không chỉ là tái thiết đất nước, phát triển kinh tế mà còn phải củng cố tư tưởng xã hội chủ nghĩa, tẩy chay tất cả những gì “gắn mắc” tư bản chủ nghĩa. Hưởng ứng chính sách này, hàng loạt doanh nghiệp đã bị quốc hữu hóa. Kinh tế tư nhân gần như bị xóa bỏ ở Việt Nam, nhường chỗ cho khối kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước.

Việc loại bỏ kinh tế tư nhân không chỉ kéo lùi kinh tế đất nước mà còn dẫn đến những mất mát lớn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Hàng loạt thương hiệu Việt được dày công xây dựng, một thời lừng lẫy khắp Đông Dương dần trở thành dĩ vãng. Chẳng mấy ai còn nhớ đến hãng sơn Gecko từng thống lĩnh thị trường sơn trong nước và khu vực với hàng loạt sản phẩm sơn Résistanco A, Résistanco B dùng cho sơn xe đạp, Durolac để sơn ô tô, Ideal để sơn tường... Tầm quan trọng của sở hữu trí tuệ cũng như thương hiệu không phải là điều xa lạ ngày nay, song bấy giờ, không mấy ai nghĩ rằng đó là những thứ có giá trị hơn cả tài sản vật chất.

Những “vết xe đổ” vẫn tiếp tục trong quá trình cải cách kinh tế sau khi thống nhất đất nước năm 1975. Một trong những thương hiệu cũng chung số phận quốc hữu hóa và dần mai một là “xà bông Cô Ba” - thương hiệu xà phòng tắm gội đầu tiên của người Việt Nam. Thực ra, trên hộp xà bông không có chữ “Cô Ba” mà có hình một cô gái, người dùng quen gọi là “cô Ba”, dần trở thành thương hiệu gắn liền với sản phẩm này. “Xà bông Cô Ba” do ông Trương Văn Bền thành lập năm 1932, từng đánh bại thương hiệu xà bông của Pháp để chiếm lĩnh thị trường Việt Nam, thậm chí còn xuất khẩu sang các nước Đông Dương, Hồng Kông và châu Phi.

Giá trị của tài sản trí tuệ cũng tương ứng với mức độ đầu tư công sức và thời gian. Giống như con người “mua danh ba vạn, bán danh ba đồng”, việc xây dựng một thương hiệu khó hơn rất nhiều so với mất đi. Sau năm 1975, công ty sản xuất xà bông của ông Trương Văn Bền trở thành nhà máy hợp doanh xà bông Việt Nam thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ. Đến năm 1995, Bộ Công nghiệp nhẹ hợp tác, liên doanh với Tập đoàn Procter & Gamble (P&G), đổi tên nhà máy thành Công ty CP Sản xuất thương mại Phương Đông. Tuy nhiên, trước sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường, thương hiệu “xà bông Cô Ba” dần rơi vào quên lãng, dù vẫn đang được bán trên thị trường.

Giữa bối cảnh ấy, số phận của kinh tế tư nhân gắn liền với sở hữu trí tuệ. Khái niệm kinh tế tư nhân gần như biến mất trong mọi văn bản, chính sách, trong khi đó khái niệm sở

hữu trí tuệ vẫn chưa xuất hiện. Câu chuyện sở hữu trí tuệ chỉ manh nha qua những phong trào sáng kiến - cải tiến kỹ thuật cách đây hơn 60 năm. Đến đầu những năm 1970, khi các phong trào phát triển mạnh, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước đã thành lập Phòng Sáng chế phát minh để phụ trách hoạt động này. Sau đó, Phòng Sáng chế phát minh đã đề xuất một số kiến nghị mới về công tác sáng chế - phát minh, trong đó nhấn mạnh vào vai trò quan trọng của hoạt động sáng chế trên thế giới và việc “đã đến lúc nước ta phải ban hành Luật Sáng chế”.

Từ năm 1980, Phòng Sáng chế phát minh đã soạn thảo một văn bản quy định về bảo hộ sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, được Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước trình Hội đồng Chính phủ, ban hành Nghị định số 31/CP ngày 23/01/1981 kèm theo Điều lệ về sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và sáng chế. Lần đầu tiên, ngoài những quy định về chế độ khen thưởng hay tổ chức chỉ đạo hoạt động sáng kiến như trước đây, Nghị định 31/CP đã đề cập đến việc bảo hộ sáng chế - một trong những đối tượng quan trọng nhất trong số các đối tượng sở hữu công nghiệp.

Những bước tiến mới

Những manh nha thay đổi trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ có lẽ là dấu hiệu mơ hồ của những bước chuyển lớn hơn của Việt Nam. Đó là chính sách đổi mới năm 1986. Sau thất bại của các chính sách thời bao cấp, Việt Nam đã tiến hành “cởi trói” nền kinh tế, chuyển sang xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm đầu sau khi thực hiện đổi mới, các khoản đầu tư nước ngoài liên tục đổ vào đã giúp nền kinh tế đi lên. Vốn đầu tư nước ngoài tăng dần qua các năm, từ mức gần như bằng 0 vào cuối những năm 80 lên hơn 33 tỷ USD vào những năm 1990.

Tuy nhiên, những “lỗ hổng” về sở hữu trí tuệ đã kéo lùi quá trình đổi mới kinh tế. “Đến năm 1997, những con số đầy hứa hẹn đã giảm mạnh khi các nhà đầu tư nước ngoài rút khỏi thị trường Việt Nam - một phần do thiệt hại kinh tế vì nạn xâm phạm bản quyền. Các công ty trong nước cũng chịu nhiều thiệt hại. Việc thiếu vốn đầu tư đã thu hẹp thị trường, đi ngược lại mục tiêu cải cách kinh tế của Việt Nam cũng như cản trở quá trình tham gia vào thị trường toàn cầu”, theo một công bố về tình trạng xâm phạm bản quyền ở Việt Nam của tác giả Julie Siefkas trên tạp chí *Florida Journal of International Law* vào năm 2002. “Nhiều nhà đầu tư trong và ngoài đã từ chối tham gia quá trình đổi mới nếu quyền sở hữu trí tuệ của họ không được bảo hộ một cách hiệu quả”.

“Một rào cản lớn trong quá trình đổi mới là Chính phủ Việt Nam không ban hành và thực thi các chính sách về sở hữu trí tuệ một cách hiệu quả. Những hạn chế trong bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đã ngăn cản nhiều cá nhân và doanh nghiệp phương Tây đầu tư và giao dịch với Việt Nam”, theo một công bố của tác giả Rachel L. Nass trên *Brooklyn Journal of International Law*. “Quá trình đổi mới khó có thể thành công nếu không có một hệ thống bảo hộ sở hữu trí tuệ hiệu quả”.

Sau quá trình đổi mới, kinh tế tư nhân dần trỗi dậy, song hành cùng sở hữu trí tuệ. “Một số chính sách đổi mới chưa thành công về mặt kinh tế đã thúc đẩy Việt Nam nộp đơn xin gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Tuy nhiên, WTO yêu cầu các quốc gia thành viên phải đáp ứng hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại về quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS)”, Rachel L. Nass nhận xét. Đây sẽ là nhiệm vụ đầy thách thức với một quốc gia vẫn còn chập chững trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ như Việt Nam. Tuy nhiên, “việc siết chặt bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại một quốc gia đang phát triển như Việt Nam sẽ góp phần thúc đẩy sự đổi mới, tạo ra các lợi ích trong lâu dài”.

Hành trình phát triển sở hữu trí tuệ ở Việt Nam gắn liền với quá trình thay đổi quan điểm về kinh tế tư nhân. Năm 2003, Cục Sở hữu công nghiệp - trước đây là Cục Sáng chế, đổi tên thành Cục Sở hữu trí tuệ. Việc đổi tên nhiều lần như vậy không phải là ngẫu nhiên. “Ban đầu tôi hỏi ý kiến của các chuyên gia, rằng có nên dùng từ sở hữu trí tuệ hay không, họ bảo là tốt quá, nhưng sợ không được, vì người ta vẫn hơi ngại dùng từ sở hữu, khi đó chỉ có sở hữu chung thôi chứ làm gì có sở hữu riêng. Do vậy, quá trình chuyển đổi phải diễn ra dần dần. Lúc gọi là sở hữu công nghiệp, có người còn ‘vấn’ tôi là sao không có sở hữu nông nghiệp?”, ông An Khang, Cục trưởng đầu tiên của Cục Sáng chế, nhớ lại những ngày nêu ra những khái niệm sơ khai về sở hữu trí tuệ.

Để chuẩn bị gia nhập WTO, năm 2005, luật sở hữu trí tuệ đã ra đời. “Là một phần trong nỗ lực gia nhập WTO,

Việt Nam đã hợp nhất mê cung rắc rối các quy định về sở hữu trí tuệ trong một văn bản luật. Có lúc, quá trình soạn thảo luật sở hữu trí tuệ diễn ra nhanh đến mức những người dịch sang bản tiếng Anh cũng không theo kịp”, theo công bố của tác giả Ha Thanh Nguyen và cộng sự trên *Geoforum*. “Quá trình soạn thảo và

tham vấn ý kiến cho các đối tượng trong luật - từ quyền tác giả, sở hữu công nghiệp, giống cây trồng - mất chưa đầy 24 tháng”. Đây là một bước tiến lớn trong việc bảo hộ toàn diện các đối tượng sở hữu trí tuệ, góp phần mở ra những “cánh cửa mới” cho kinh tế Việt Nam.

Nguồn: <https://khoahocphattrien.vn>

VAI TRÒ CỦA BẢN QUYỀN TRONG KỶ NGUYÊN CÔNG NGHỆ SỐ

(SHTT) - Trong kỷ nguyên công nghệ phát triển nhanh chóng và sự bùng nổ của Internet, sở hữu trí tuệ nói chung và bản quyền nói riêng đang trở thành yếu tố quan trọng hơn bao giờ hết của ngành công nghiệp sáng tạo.



Thời đại số đã thay đổi cách chúng ta sáng tạo, chia sẻ và tiêu thụ nội dung, đồng thời đặt ra những thách thức mới trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Từ sách, âm nhạc đến phần mềm và các bài đăng trên mạng xã hội, hầu như mọi hình thức sáng tạo đều được chia sẻ trực tuyến. Điều này giúp các sản phẩm sáng tạo được tiếp cận dễ dàng, thúc đẩy mạnh mẽ sự đổi mới và sáng tạo, nhưng nó cũng làm gia tăng nguy cơ đạo nhái, phân phối trái phép và vi phạm bản quyền.

Trước thực tiễn đó, bản quyền đóng vai trò then chốt trong việc đảm

bảo người sáng tạo giữ quyền kiểm soát và được hưởng lợi xứng đáng từ các tác phẩm của mình. Việc làm tốt công tác bảo hộ bản quyền cũng giúp thúc đẩy các tác giả, nhà sáng tạo tiếp tục tạo ra những nội dung có giá trị.

Bản quyền là gì?

Bản quyền là một hình thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, trao cho người sáng tạo một tác phẩm gốc quyền độc quyền trong việc sử dụng, sao chép, phân phối và chuyển thể tác phẩm đó trong một khoảng thời gian nhất định.

Bản quyền trao cho người sáng tạo một loạt quyền độc quyền, bao gồm:

- **Quyền sao chép:** Quyền tạo ra các bản sao của tác phẩm.
- **Quyền phân phối:** Quyền phát hành tác phẩm đến công chúng qua việc bán, cho thuê, cho mượn.
- **Quyền chuyển thể:** Quyền tạo ra các tác phẩm phái sinh từ tác phẩm gốc, như bản dịch, bản cải biên hoặc phân tiếp theo.
- **Quyền biểu diễn và trưng bày công khai:** Quyền trình diễn hoặc trưng bày công khai tác phẩm.

Quyền nhân thân: Ở một số quốc gia, người sáng tạo còn có quyền được ghi nhận là tác giả và quyền phản đối các sửa đổi trái phép làm sai lệch hoặc tổn hại đến danh tiếng tác phẩm.

Những quyền này giúp người sáng tạo giữ được quyền kiểm soát đối với cách sử dụng tác phẩm của mình và được đền bù hợp lý nếu tác phẩm được khai thác thương mại.

Bản quyền thường áp dụng cho nhiều loại hình sáng tạo, bao gồm: Văn học (sách, bài báo, thơ); Âm nhạc (bài hát, bản nhạc, bản thu âm); Nghệ thuật thị giác (tranh vẽ, ảnh chụp, tượng); Phim và video; Phần mềm và nội dung kỹ thuật số; Thiết kế kiến trúc; Biểu diễn nghệ thuật (kịch, múa).

Bản quyền được tự động công nhận ngay khi tác phẩm được tạo ra và được định hình trên một phương tiện vật lý cụ thể, như văn bản viết tay, bản ghi âm hoặc lưu trữ kỹ thuật số. Mặc dù không bắt buộc phải đăng ký bản quyền để được bảo vệ, nhưng việc đăng ký tại cơ quan chức năng có thể mang lại lợi ích pháp lý bổ sung khi có tranh chấp xảy ra.



Tại sao bản quyền quan trọng trong thời đại số

Sự phát triển của công nghệ số và Internet đã mở rộng đáng kể phạm vi tiếp cận của các tác phẩm sáng tạo, nhưng cũng tạo ra những thách thức to lớn đối với việc bảo vệ bản quyền. Khả năng sao chép, chỉnh sửa và phân phối nội dung kỹ thuật số một cách dễ dàng khiến người sáng tạo khó kiểm soát việc sử dụng tác phẩm của mình và nhận được ‘thù lao’ xứng đáng.

Những lý do khiến bản quyền trở nên đặc biệt quan trọng trong thời đại số bao gồm:

Bảo vệ quyền lợi và thu nhập của người sáng tạo

Một trong những chức năng chính của bản quyền là đảm bảo người sáng tạo được đền bù xứng đáng cho công sức của họ. Trong thế giới kỹ thuật số, nơi nội dung có thể bị sao chép và chia sẻ mà không xin phép, bản quyền giúp bảo vệ người sáng tạo khỏi bị mất thu nhập do sử dụng trái phép tác phẩm.

Ví dụ, nhạc sĩ, nhà văn và nhà làm phim sống dựa vào việc bán hoặc cấp phép tác phẩm của họ. Nếu không có bản quyền, bất kỳ ai cũng có thể sao chép, chia sẻ hoặc bán lại tác phẩm mà không cần trả phí cho tác giả – điều này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến thu nhập và động lực sáng tạo của họ.

Tại Việt Nam, theo báo cáo của Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam (VCPMC), chỉ trong quý I/2025, Trung tâm bảo vệ quyền tác giả âm nhạc VN (VCPMC) thu được 85 tỷ đồng tiền tác quyền âm nhạc. Dựa trên các tính toán thực tế

và chiến lược dài hạn, VCPMC đặt mục tiêu năm 2025 sẽ thu được khoảng 500 tỷ tiền phí tác quyền âm nhạc.

Trong thời đại mà nạn vi phạm bản quyền lan tràn, luật bản quyền cung cấp khung pháp lý giúp người sáng tạo khởi kiện và yêu cầu gỡ bỏ nội dung vi phạm khỏi mạng Internet. Theo đó, VCPMC không chỉ là đơn vị chịu trách nhiệm thu hộ tiền tác quyền mà còn hỗ trợ tác giả rà soát các tác phẩm, đảm bảo quyền lợi và bảo vệ bản quyền. Các vấn đề pháp lý như thừa kế, tranh chấp quyền tác giả cũng được VCPMC giải quyết kịp thời cho các nhạc sĩ.

Thúc đẩy sáng tạo và đổi mới

Bản quyền giữ vai trò quan trọng trong việc khuyến khích sáng tạo bằng cách bảo đảm người sáng tạo có thể khai thác lợi ích kinh tế từ công sức của mình. Khi được bảo vệ và có quyền độc quyền với tác phẩm, người sáng tạo sẽ có thêm động lực đầu tư thời gian và nguồn lực để tạo ra nội dung mới.

Trong các lĩnh vực như phát triển phần mềm, điện ảnh, văn học, bản quyền giúp bảo vệ ý tưởng và cách thể hiện của người sáng tạo, từ đó thúc đẩy làn sóng đổi mới và phong phú về nội dung văn hóa.

Ngược lại, nếu không có sự bảo vệ từ bản quyền, người sáng tạo có thể e ngại công khai tác phẩm vì lo sợ bị sao chép hoặc đánh cắp, dẫn đến sự trì trệ trong sáng tạo và giảm sự đa dạng trong thị trường nội dung.

Cân bằng giữa quyền tiếp cận và quyền bảo hộ

Mặc dù bản quyền bảo vệ quyền lợi của người sáng tạo, nhưng nó cũng đóng vai trò quan trọng trong việc cân bằng lợi ích công chúng khi tiếp cận tác phẩm sáng tạo.

Thời đại số đã dân chủ hóa khả năng tiếp cận nội dung, giúp mọi người trên khắp thế giới dễ dàng học tập, tiếp cận và thưởng thức các tác phẩm sáng tạo. Tuy nhiên, việc tiếp cận không giới hạn đến nội dung có bản quyền mà không trả phí sẽ làm xói mòn động lực sáng tạo.

Sự tồn tại của Luật bản quyền giúp thiết lập trạng thái cân bằng giữa quyền của người sáng tạo và quyền của công chúng bằng cách giới hạn thời gian bảo hộ và cho phép một số trường hợp sử dụng hợp pháp.

Chẳng hạn, luật bản quyền có các quy định như “sử dụng hợp lý” (Fair use) ở Hoa Kỳ hoặc “sử dụng hợp lý trong giới hạn” (Fair dealing) ở các nước khác, cho phép sử dụng tác phẩm có bản quyền mà không cần xin phép trong các mục đích như phê

bình, nghiên cứu, giáo dục, hay châm biếm. Những quy định này giúp xã hội có thể khai thác và tương tác với các tác phẩm sáng tạo mà vẫn tôn trọng quyền của tác giả.

Giải quyết vấn đề vi phạm bản quyền và phát tán nội dung lậu

Một trong những thách thức lớn nhất của thời đại số là sự lan rộng của nội dung lậu. Các website phát tán trái phép nhạc, phim, phần mềm, sách điện tử đang là mối đe dọa đối với các ngành công nghiệp sáng tạo.

Việc sao chép lậu không chỉ khiến nhà sáng tạo mất doanh thu chính đáng, mà còn làm suy yếu thị trường hợp pháp cho sản phẩm trí tuệ. Các báo cáo cho thấy, ngành công nghiệp âm nhạc và điện ảnh đã thiệt hại hàng tỷ đô la vì vi phạm bản quyền, khi các nền tảng chia sẻ hoặc phát trực tuyến cung cấp tác phẩm mà không xin phép.

Luật bản quyền là công cụ thiết yếu để chống lại nạn vi phạm này.



Theo đó, với các tác phẩm được bảo hộ sở hữu trí tuệ đầy đủ, chủ sở hữu bản quyền có thể gửi thông báo yêu cầu gỡ bỏ nội dung vi phạm (Takedown notice) theo quy định pháp luật, yêu cầu website xóa bỏ nội dung bị sao chép trái phép.

Ngoài ra, các cơ quan thực thi bản quyền cũng có nhiệm vụ đóng cửa các mạng lưới vi phạm bản quyền và xử phạt các cá nhân hoặc tổ chức vi phạm.

Tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ toàn cầu

Trong thời đại số, nội dung có thể được chia sẻ toàn cầu chỉ với một cú nhấp chuột. Do đó, người sáng tạo cần được bảo vệ không chỉ trong phạm vi quốc gia mà còn ở phạm vi quốc tế.

Các hiệp ước quốc tế về bản quyền (như Công ước Berne, Hiệp định TRIPS) đã được thiết lập nhằm đảm bảo sự công nhận và bảo hộ tác phẩm trên toàn thế giới. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các ngành công nghiệp có thị trường toàn cầu như phim ảnh, âm nhạc và phần mềm.

Hỗ trợ phát triển kinh tế số

Thời đại số đã mở ra những mô hình kinh doanh mới trong ngành công nghiệp sáng tạo. Do đó, bản quyền là nền tảng pháp lý giúp các mô hình kinh doanh kỹ thuật số này vận hành hiệu quả, đảm bảo rằng người sáng tạo và doanh nghiệp có thể kiểm soát việc phân phối và kiếm tiền từ nội dung của mình.

Chẳng hạn, các nền tảng phát nhạc trực tuyến như Spotify hay Apple Music dựa vào các thỏa thuận bản quyền để phân phối bài hát và trả tiền cho nghệ sĩ, hãng thu âm. Tương tự, các nền tảng xem phim như Netflix hoạt động dựa trên các hợp đồng bản quyền để phát sóng phim, chương trình truyền hình cho người dùng. Nếu không có bản quyền, các nền tảng này sẽ khó thu hút nội dung chất lượng, và nền kinh tế số sẽ thiếu hụt sự đổi mới.

Theo thống kê WIPO, ngành công nghiệp sáng tạo toàn cầu đóng góp khoảng 2,25 nghìn tỷ USD mỗi năm vào nền kinh tế và sử dụng hơn 30 triệu lao động.

Tương lai của bản quyền trong thời đại số

Khi công nghệ tiếp tục phát triển, những thách thức và cơ hội mới liên quan đến bản quyền cũng sẽ xuất hiện. Sự nổi lên của trí tuệ nhân tạo, công nghệ blockchain và thực tế ảo đang thay đổi cách chúng ta sáng tạo và tương tác với nội dung số, đặt ra nhiều câu hỏi mới về quyền sở hữu trí tuệ.

Để đối phó với những thách thức này, các nhà hoạch định chính sách và các bên liên quan trong ngành cần không ngừng điều chỉnh luật bản quyền để phù hợp với thực tiễn mới. Điều này có thể bao gồm việc cập nhật luật hiện hành, tạo ra các hình thức bảo hộ mới và cải tiến cơ chế thực thi để theo kịp sự phát triển không ngừng của công nghệ và môi trường số.

Trong bối cảnh nền kinh tế sáng tạo ngày càng phát triển, việc nâng

cao nhận thức và thực thi bản quyền càng trở nên cấp thiết. Đặc biệt, trong kỷ nguyên số, các nền tảng trực tuyến vừa mở ra cơ hội tiếp cận công chúng, vừa đặt ra những vấn đề nan giải trong quản lý và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

Với nỗ lực hội nhập quốc tế, Việt Nam đang tích cực tham gia các hiệp định thương mại, hợp tác với các tổ chức bảo vệ quyền tác giả trên thế giới nhằm xây dựng một hệ thống quản lý bản quyền hiệu quả, minh bạch và ngày càng chứng tỏ cam kết mạnh mẽ của mình với cộng đồng quốc tế trong việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ, tạo tiền đề để ngành âm nhạc phát triển bền vững.

Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta đã xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 3 trụ cột chiến lược để đưa đất nước vươn lên trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.

Trong cả 3 trụ cột này, sở hữu trí tuệ đóng vai trò then chốt. Đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ra đời đã khẳng định mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao.

Theo ông Lê Huy Anh, Phó Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, công nghệ không chỉ là công cụ hỗ trợ mà còn là động lực thay đổi trong ngành công nghiệp âm nhạc. Từ các sáng chế giúp cải thiện chất lượng âm thanh, cho đến những giải pháp bảo vệ bản quyền âm nhạc, công nghệ đang từng ngày làm thay đổi cách chúng ta sáng

tác, biểu diễn và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực nghệ thuật này.

Dưới sự chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ đã luôn xác định sở hữu trí tuệ là một trong những trụ cột quan trọng nhất của chiến lược đổi mới sáng tạo quốc gia. Hiện nay, cục đã và đang tích cực phối hợp cùng các cơ quan, bộ, ngành liên quan tổ chức các chương trình nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ, hỗ trợ cộng đồng hiểu rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của mình trong việc bảo vệ tài sản trí tuệ.

Có thể khẳng định, sở hữu trí tuệ không chỉ là động lực thúc đẩy sáng tạo và tăng trưởng kinh tế, không chỉ là tài sản trí tuệ có giá trị lớn đối với người dân và doanh nghiệp, mà còn là công cụ bảo vệ các kho tàng nghệ thuật của nhân loại.

Trước thực trạng nội dung kỹ thuật số phổ biến rộng rãi và nguy cơ vi phạm bản quyền ngày càng tăng, việc có một hệ thống pháp lý vững chắc là điều không thể thiếu. Theo Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ Lưu Hoàng Long, hiện, Cục đang hoàn thiện cơ chế chính sách, đẩy mạnh cải cách thể chế, hiện đại hoá quy trình xử lý đơn, tăng cường phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ trong trường học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và cộng đồng.

Bên cạnh đó, nhiều sáng kiến hợp tác quốc tế cũng đang được triển khai nhằm giúp Việt Nam tiếp cận các mô hình quản lý sở hữu trí tuệ tiên tiến, thúc đẩy thương mại hóa tài sản trí tuệ và khơi thông dòng chảy sáng tạo trong xã hội.

Có thể khẳng định, sở hữu trí tuệ đã góp phần xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, công bằng và bền vững. Bằng cách cân bằng quyền của người sáng tạo với quyền tiếp cận của công chúng, bản quyền sẽ giúp

các ý tưởng, nội dung và sản phẩm mới tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong thế giới kỹ thuật số, từ đó tạo động lực phát triển mạnh mẽ cho ngành kinh tế số trong tương lai.

Nguồn: <https://sohuutritue.net.vn>